

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2022/HC-PT

Ngày: 10/8/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 13/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H3.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6796/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa:

*** *Người khởi kiện:*** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn H, huyện Y, tỉnh H3.

Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện: Ông Nguyễn Việt B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn H, huyện Y, tỉnh H3; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Phan Ngọc Q, Luật sư Văn phòng luật sư Q1 - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

*** *Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Tất L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H3; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H3: Ông Nguyễn Văn S – Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh H3; Ông Lưu Văn T1 – Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H3; ông Bùi Quang N1 – Phó giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H3; có mặt ông N1, ông S và ông T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H3.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện Y, tỉnh H3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H3; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H3: Luật sư Trần Dũng T2 – Văn phòng luật sư Trần Dũng T2 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh H3; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh H3

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn K – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H3.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Tất L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H3; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh H3: Ông Nguyễn Văn S – Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh H3; Ông Lưu Văn T1 – Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H3; ông Bùi Quang N1 – Phó giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H3; có mặt ông N1.

2. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H3

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H1, Phó chủ tịch UBND huyện; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H3: Luật sư Trần Dũng T2 – Văn phòng luật sư Trần Dũng T2 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh H3; có mặt

3. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y, tỉnh H3; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Đình N2, Phó chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện; có mặt.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện Y, tỉnh H3

4. Công ty TNHH một thành viên Nông trường 2/9 HB; Địa chỉ: Thị trấn H, huyện Y, tỉnh H3.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mộng H2 – Giám đốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Chị Đinh Thị P và anh Đoàn Văn Đ; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn H, huyện Y, tỉnh H3.

Người đại diện theo ủy quyền của chị P, anh Đ: Ông Nguyễn Việt B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn H, huyện Y, tỉnh H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 của bà Vũ Thị T và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện bà Vũ Thị T trình bày:*

Ngày 01/8/2008, gia đình bà Vũ Thị T và Nông trường 2/9 HB (nay là Công ty TNHH MTV 2/9 HB) ký hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, diện tích đất giao khoán là 2784 m² bao gồm đất chè kinh doanh 1162m², đất quy hoạch trồng chè 1622m², thời gian giao khoán là 30 năm đối với đất trồng cây lâu năm, 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm. Hợp đồng thể hiện chủ sử dụng đất giao khoán là ông Đoàn Văn L1.

Ngày 29/6/2011, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Thông báo số 147/TB-UBND thông báo thu hồi đất thực hiện xây dựng Khu công nghiệp LT, huyện Y. Trong đó diện tích đất bị ảnh hưởng là 113,7 ha (khu đất diện tích 36,3 ha và khu 77,40 ha) đất do Công ty TNHH MTV 2/9 HB quản lý đã giao khoán cho các hộ.

Năm 2011 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y lập biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất. Tại biên bản kiểm đếm ngày 05/9/2011 diện tích đất gia đình bà bị thu hồi là 123,3m²; Tài sản bị thu hồi trên đất là các cây như sắn, cây na dai mới trồng (70 cây), hàng rào cây xanh các loại (44m²).

Ngày 11/9/2012, UBND tỉnh H3 đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với khu đất diện tích 36,30 ha, tại Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 11/9/2012. Đối với phần diện tích 77,4 ha đất đã kiểm đếm năm 2011, nhưng chưa công khai phương án bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 23/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng dự án: Xây dựng Khu công nghiệp LT và Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với khu đất 77,4 ha.

Tại biểu chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư Khu công nghiệp LT (khu đất 77,4 ha kèm theo biên bản chi trả tiền ngày 10/02/2018) hộ bà có diện tích đất bị thu hồi là 3.084,6m² đơn giá bồi thường là 60.000đ/m²; 70 cây na dai mới trồng, đơn giá bồi thường 5.000đ/cây và một số cây nông nghiệp khác. Hỗ

trợ ổn định đời sống trong 12 tháng; hỗ trợ ổn định sản xuất là 10% ; Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm là 1 lần giá đất nông nghiệp. Tổng số tiền được nhận là 531.071.190đ.

Ngày 10/02/2018, gia đình bà đã nhận 473.000.000đ tiền bồi thường.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện, bà Vũ Thị T có đơn khiếu nại, nội dung:

1. Đề nghị được bồi thường thiệt hại do Công ty TNHH MTV Nông trường 2/9 vi phạm hợp đồng đã ký ngày 01/08/2008; được đền bù thời gian còn lại về đất khi Nhà nước thu hồi.

2. Việc cây na đã được kiểm đếm theo biên bản năm 2011 là 30.000đ/cây, năm 2016 bị áp giá theo cây trong vườn ươm là 5.000đ/cây, đề nghị được áp giá theo thời điểm năm 2014 với giá 43.000đ/cây.

3. Việc tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức 1 lần là không đúng, đề nghị được hỗ trợ mức 2.5 lần giá đất nông nghiệp.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá đất là không đúng. Đề nghị được hỗ trợ bằng 100% giá đất cùng loại.

5. Được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm nhưng đến năm 2016 không được Nhà nước thu hồi.

Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1888/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà T (lần 1), quyết định: Thừa nhận nội dung khiếu nại số 5 về việc không được bồi thường do ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm nhưng đến năm 2016 không được Nhà nước thu hồi; Riêng nội dung khiếu nại thứ nhất, việc ký kết hợp đồng giao khoán giữa nông trường 2/9 và các hộ nhận khoán là hợp đồng dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính. Không chấp nhận các nội dung khiếu nại 1,2,3,4, không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại, bà Vũ Thị T tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H3.

Ngày 31/3/2020, Chủ tịch UBND tỉnh H3 ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần 2). Quyết định: Không thừa nhận nội dung khiếu nại số 2,3,4, chấp nhận nội dung khiếu nại số 5; Đối với nội dung khiếu nại thứ nhất: Đề nghị hộ bà T có đơn khởi kiện ra Tòa án để được giải quyết theo quy định. Giao UBND huyện Y chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu trình UBND tỉnh xác định, lập phương án bổ sung kinh phí, chi trả tiền hỗ trợ ngừng sản xuất từ năm 2012-2016 đối với 11 hộ không thu hồi đất và đã được thông báo thu hồi đất năm 2011.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh H3, ngày 02/10/2020 bà T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình, đề nghị hủy quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y, yêu cầu áp giá cây na là 43.000đ/1 cây như mức giá năm 2014; chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 2,5 lần giá đất nông nghiệp; chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014.

Ngày 04/5/2021, bà có đơn bổ sung đơn khởi kiện, nội dung bổ sung: Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H3, đề nghị đưa Chủ tịch UBND tỉnh H3 tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện.

Người bị kiện trình bày:

UBND huyện Y và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y: Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, cho rằng:

Đối với khiếu nại về việc đề nghị được bồi thường thiệt hại do Công ty TNHH MTV Nông trường 2/9 vi phạm hợp đồng, đề nghị được đền bù thời gian còn lại về đất khi nhà nước thu hồi đất khoán:

Căn cứ vào các hợp đồng giao khoán thì công ty TNHH MTV 2/9 không vi phạm hợp đồng đã ký. Việc ký hợp đồng giao khoán này là quan hệ dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính, không có cơ sở xem xét giải quyết.

Về yêu cầu áp giá cây na là 43.000đ/1 cây như mức giá năm 2014:

Tại biên bản kiểm đếm ngày 05/9/2011 diện tích đất gia đình bà Vũ Thị T bị thu hồi là 3.084,6m², tài sản bị thu hồi trên đất có một số cây trồng và 70 cây na dai mới trồng. Thực tế cây na dai của các hộ dân có kích thước nhỏ, độ cao trung bình 0,2m đến 1m, thân cây nhỏ (đường kính từ 0,5cm - 1cm); chưa đến giai đoạn trưởng thành; chưa cho thu hoạch; mật độ không đảm bảo theo hướng dẫn tại Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp & PTNT và đa phần là trồng xen dưới cây khác, nên Hội đồng bồi thường đã áp dụng đơn giá đối với cây na dai mới trồng dưới 1 năm theo đơn giá cây na dai trong vườn ươm: 5.000 đồng/cây được quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh H3. Việc thay đổi giá cây na là do UBND tỉnh thay đổi giá cho phù hợp với chuyển biến của tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Hoà Bình. Do đó khiếu nại yêu cầu áp giá cây na là 43.000đ/1 cây là không có căn cứ.

Về mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014.

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, ngày 25/9/2014, UBND tỉnh H3 ban hành quyết định số 24/2014/QĐ – UBND ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H3. Tại khoản 1 Điều 16 Quyết định 24/2014 quy định mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề là 2,5 lần giá đất nông nghiệp.

Ngày 12/5/2016, UBND tỉnh H3 ban hành quyết định số 16/2016/QĐ – UBND về việc sửa đổi khoản 3, Điều 15; khoản 1 Điều 16 của quyết định số 24/2014/QĐ - UBND ngày 25/9/2014. Sửa từ được bồi thường 2,5 xuống còn được bồi thường bằng 01 lần giá đất nông nghiệp. Việc yêu cầu bồi thường bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp là không có căn cứ.

Về yêu cầu mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp (hệ số 1) như đã công bố năm 2014.

Quyết định số 24 ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hoà Bình quy định mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp nhưng ngày 12/5/2016 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 16, sửa đổi khoản 3 Điều 15, Khoản 1 Điều 16 Quyết định số 24 ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hoà Bình quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (có hiệu lực thi hành ngày 22/5/2016) thì mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 10% giá đất nông nghiệp. Ủy ban nhân dân huyện áp dụng mức hỗ trợ này theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành, do đó không có căn cứ chấp nhận áp dụng hỗ trợ 100% giá đất nông nghiệp.

Về yêu cầu khiếu nại việc không được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được phê duyệt đo đạc, kiểm đếm dự án KCN LT nhưng đến năm 2016 không được nhà nước thu hồi: Khiếu nại trên là có cơ sở, đã được xem xét và giải quyết.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y là khách quan, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, theo quy định pháp luật. Chủ tịch UBND huyện Y giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình và của Ủy ban nhân dân tỉnh H3: Nhất trí với ý kiến của UBND huyện Y. Quyết định 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H3 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Vũ Thị T là khách quan, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến trình bày của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y: Nhất trí với ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh H3 và Chủ tịch UBND huyện Y, các quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện Y, Ủy ban nhân dân tỉnh H3 là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Ý kiến trình bày của Công ty TNHH MTV 2-9 H3 tại văn bản số 69/CV-Cty ngày 12/8/2021: Khu công nghiệp LT tại huyện Y được triển khai từ tháng 6/2011 trên diện tích đất do công ty quản lý, quá trình thực hiện việc thu hồi đất Công ty đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty đã thực hiện bàn giao toàn bộ diện tích đất nằm trong dự án Khu công nghiệp LT theo đúng tiến độ, đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 26/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh H3 đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, điều 194 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc yêu cầu “hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1888/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh H3 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình”.

Về các nội dung:

Buộc UBND huyện Y chấp nhận khiếu nại về mức áp giá cây na đã kiểm đếm năm 2011 được bồi thường với giá 43.000đ/cây.

Mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp.

Mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp” do không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/10/2021, Người khởi kiện là bà Vũ Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo, thừa nhận sau khi thực hiện kiểm đếm năm 2011 gia đình bà T đã phá bỏ một số cây trong đó có cây na. Đến thời điểm bồi thường năm 2016 trên đất không còn cây na.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến cho rằng: toàn bộ số cây na được kiểm đếm trong Biên bản năm 2011 ghi cây na mới trồng và áp giá 30.000 đồng/cây. Sau đó đến năm 2015 mới ra quyết định thu hồi đất. Cây na đã trồng trước thời điểm có quyết định thu hồi đất nên không thuộc đối tượng áp dụng quyết định số 11/2016 ngày 14/6/2016. Về đơn giá hỗ trợ ổn định đời sống ban hành năm 2014 đã căn cứ vào tình hình kinh tế của địa phương, đến năm 2016 UBND tỉnh sửa đổi ban hành quyết định số 16/QĐ điều chỉnh mức tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 2,5 lần giá đất nông nghiệp bằng 1 lần giá đất nông nghiệp, chi trả mức bồi thường hỗ trợ ổn định đời sống bằng 10% giá đất nông nghiệp là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H3 đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H3 đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 17/8/2020, bà Vũ Thị T khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y; yêu cầu áp giá cây na là 43.000đ/1 cây như mức giá năm 2014; chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 2,5 lần giá đất nông nghiệp; chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014. Ngày 04/5/2021, bà T có đơn bổ sung đơn khởi kiện bổ sung đề nghị hủy Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H3; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1888/QĐ-UBND và Quyết định số 688/QĐ-UBND; đề nghị xem xét việc áp giá cây na; mức hỗ trợ tìm kiếm việc làm và mức hỗ trợ ổn định đời sống.

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Hoà Bình ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1888/QĐ-UBND ngày 01/10/2019; Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, Điều 18; Điều 21 Luật Khiếu nại.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi UBND huyện Y, tỉnh H3 ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng: Xây dựng Khu công nghiệp LT (khu đất 77,4 ha) và Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 4) dự án: Xây dựng Khu công nghiệp LT (khu đất 77,4 ha), bà T có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Y. Chủ tịch UBND huyện Y đã yêu cầu thanh tra huyện xác minh nội dung khiếu nại, căn cứ Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại số 34 ngày 25/9/2019 của Đoàn xác minh, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1888/QĐ-UBND ngày 01/10/2019. Không nhất trí với Quyết định số 1888/QĐ-UBND, bà T đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H3. Chủ tịch UBND tỉnh H3 đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H3 xác minh nội dung khiếu nại, căn cứ kết quả xác minh Chủ tịch UBND tỉnh H3 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 là đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

[3]. Về nội dung: Đề nghị xem xét việc áp giá cây na; mức hỗ trợ tìm kiếm việc làm và mức hỗ trợ ổn định đời sống.

[3.1]. Xét về giá cây na: Diện tích đất hộ bà T bị thu hồi là 3.084,6m². Theo biên bản kiểm đếm ngày 05/9/2011 thì trên đất có các cây: Sắn trồng tập trung, 70 cây na dai mới trồng và hàng rào cây xanh các loại (44m²). Bà T cho rằng sau khi kiểm đếm Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã công khai phương án bồi thường, đơn giá cây na là 30.000đ một cây. Khi thực hiện bồi thường thì giá cây na là 5.000đ/ cây, đề nghị áp giá 43.000 đồng/1 cây; Theo tài liệu có trong hồ sơ và ý kiến trình bày của người bị kiện tại phiên tòa thì năm 2011 Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng (BTGPMB) công khai phương án bồi thường về tài sản theo quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 19/9/2011, xác định giá cây na trồng dưới 1 năm là 30.000đ/ cây. Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã thay thế quyết định 19/2009/QĐ-UBND. Tại quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh đã bổ sung vào phụ lục nhóm cây ăn quả, quy định cây trong vườn ươm; cây Na dai 5.000đ/cây.

Thực tế, cây Na của các hộ đều là cây mới trồng, trồng xen với các cây khác, kích thước nhỏ, độ cao trung bình từ 0,2 đến 01m, đường kính từ 0,5cm

đến 01cm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã gửi văn bản đề nghị Cục trồng trọt, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn giải thích rõ hơn về quy định cây na trong vườn ươm. Tại văn bản số 51 ngày 22/6/2021 của Viện rau quả giải thích: Thông thường cây từ 10 – 12 tháng có kích thước đường kính từ 0,5 đến 0,8cm; chiều cao từ 35 đến 45 cm. Như vậy việc UBND áp giá cây na mới trồng 5.000đ/cây là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận giá 43.000đ/cây như yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

[3.2]. Xét về mức hỗ trợ: Tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014 của Chính phủ quy định: Mức hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương.

Tại khoản 3 Điều 15 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh H3 quy định mức hỗ trợ ổn định đời sống là 100%; điểm b khoản 1 Điều 16 quyết định nêu trên quy định mức hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề là 2,5 lần giá đất nông nghiệp.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh H3 đã sửa đổi khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 16 của Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh: Quy định mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề bằng 01 lần giá đất nông nghiệp, hỗ trợ ổn định đời sống bằng 10% giá đất nông nghiệp.

Việc thay đổi mức hỗ trợ này thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, được áp dụng trong toàn tỉnh, căn cứ vào điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh H3. Hội đồng bồi thường tái định cư huyện Y áp dụng các quyết định nêu trên để hỗ trợ cho các hộ dân bị thu hồi đất là đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T về việc buộc UBND huyện Y và UBND tỉnh H3 chấp nhận khiếu nại về mức áp giá cây na mới trồng đã kiểm đếm năm 2011, được bồi thường với giá 43.000đ/cây; mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp; mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp là có căn cứ.

Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y và Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H3 được ban hành đúng trình tự, thủ tục và nội dung. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác các yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị hủy 02 quyết định nêu trên là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị T.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vũ Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Vũ Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2021/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H3

2. Về án phí: Bà Vũ Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại bà Vũ Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000987 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H3.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H3;
- VKSND tỉnh H3;
- Cục THADS tỉnh H3;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm

Lê Thị Mai

Vũ Thị Thu Hà